

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ - ST

Ngày 09 tháng 11 năm 2021

“ V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Văn Thông

Ông Phan Duy Lục

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc Quỳnh A, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Phố N, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt);

*Bị đơn:* Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Ngọc Quỳnh A trình bày:* Chị kết hôn với anh Trương Tuấn A ngày 26/9/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang được 2 đến 3 tháng thì vợ chồng đưa nhau về thị trấn V ở tại nhà bố mẹ chị A. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ tháng 11/2019 anh Trương Tuấn A về xã D,

thành phố P, tỉnh Kiên Giang ở còn chị vẫn ở tại thị trấn V, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh Trương Tuấn A.

*Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Tuấn A vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 13/10/2021 anh Trương Tuấn A trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo như chị Lê Ngọc Quỳnh A đã trình bày là đúng, từ tháng 11/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, anh về ở tại xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang còn chị Lê Ngọc Quỳnh A ở tại thị trấn V cùng bố mẹ đẻ. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên anh cũng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trương Bảo C, sinh ngày 03/8/2018 hiện nay đang ở cùng với chị A. Ly hôn chị Lê Ngọc Quỳnh A xin được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh Trương Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trương Tuấn A đồng ý để chị Lê Ngọc Quỳnh A tiếp tục nuôi cháu Trương Bảo C và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc Quỳnh A, cho chị Lê Ngọc Quỳnh A được ly hôn anh Trương Tuấn A.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao chị Lê Ngọc Quỳnh A được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trương Bảo C, sinh ngày 03/8/2018 hiện nay cháu C đang ở cùng với chị A. Anh Trương Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Trương Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Ngọc Quỳnh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Trương Tuấn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Lê Ngọc Quỳnh A có đơn xin ly hôn anh Trương Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trương Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang nhưng chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A đều lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là nơi giải quyết việc ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Trương Tuấn A là bị đơn nhưng anh Trương Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trương Tuấn A là đúng trình tự pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 chị Lê Ngọc Quỳnh A kết hôn với anh Trương Tuấn A trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị sống ly thân nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Chị Lê Ngọc Quỳnh A xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Trương Tuấn A, anh Trương Tuấn A cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Anh. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh chị là tự nguyện vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A có một con chung là Trương Bảo C, sinh ngày 03/8/2018 hiện nay đang ở cùng với chị Anh. Ly hôn chị Lê Ngọc Quỳnh A xin được tiếp tục nuôi con chung, anh Trương Tuấn A đồng ý để chị Anh tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu giao nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A là tự nguyện và yêu cầu về thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lê Ngọc Quỳnh A là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ngọc Quỳnh A là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trương Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Ngọc Quỳnh A được ly hôn với anh Trương Tuấn A.

Về con chung: Giao cho chị Lê Ngọc Quỳnh A tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Bảo C, sinh ngày 03/8/2018 (hiện nay con chung đang ở cùng với chị Anh). Anh Trương Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu Trương Bảo C đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trương Tuấn A chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Trương Tuấn A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Lê Ngọc Quỳnh A và anh Trương Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ngọc Quỳnh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005270 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc anh Trương Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND TT Vĩnh Tường;
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hải**